

Bài 21 THẢ ĐIỀU (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết đọc bài thơ *Thả điều* của Trần Đăng Khoa, biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp. Nhận biết được vẻ đẹp của cánh điều, vẻ đẹp của làng quê (qua bài đọc và tranh minh họa): cánh điều giống các sự vật gắn gũi ở thôn quê (con thuyền, trăng vàng, hạt cau, lưỡi liềm), cánh điều làm cảnh thôn quê thêm tươi đẹp.
2. Biết viết chữ viết hoa L cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Làng quê xanh mát bóng tre*.
3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện *Chúng mình là bạn* qua tranh minh họa; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe).
4. Bồi dưỡng tình yêu quê hương, yêu các trò chơi tuổi thơ; phát triển năng lực văn học (liên tưởng, so sánh các sự vật), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Cách đọc hiểu thơ 4 chữ; nhận biết được biện pháp tu từ so sánh trong bài thơ *Thả điều*.
- Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Chuẩn bị một con điều thật hoặc sưu tầm một số tranh ảnh về điều và cảnh thả điều.
- Mẫu chữ viết hoa L, vở *Tập viết 2 tập một*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

HS có thể nêu nội dung của bài *Nhóm nêu kết bạn*, hoặc đọc lại một đoạn và nêu nội dung đoạn vừa đọc hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động khởi động. VD: Quan sát tranh minh họa và làm việc theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi: *Các bạn trong tranh đang chơi trò chơi gì? Em biết gì về trò chơi này?*
- Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nhận xét và gợi ý trả lời (VD: Các bạn trong tranh đang chơi thả diều; Trò chơi này cần có cánh diều; Diều được làm từ một khung tre dán kín giấy có buộc dây dài. Cầm dây kéo diều ngược chiều gió thì diều sẽ bay lên cao. Một số diều còn được gắn cây sáo, gọi là diều sáo. Khi lên cao, gió thổi qua ống sáo khiến diều phát ra tiếng kêu “vu vu” rất vui tai. Trò chơi thả diều thường diễn ra ở không gian rộng như triển lãm, cánh đồng lúa, bãi cỏ,...).
- GV cho HS xem lại tranh minh họa cánh diều và giới thiệu về bài đọc *Thả diều*. (Bài thơ như một bức tranh vẽ hình ảnh cánh diều qua nhiều thời điểm. Cánh diều đã mang lại vẻ đẹp thanh bình, trong sáng cho thôn quê. Bài thơ thể hiện tình yêu của nhà thơ đối với thiên nhiên, đối với quê hương của mình.)

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
 - + HS quan sát tranh minh họa bài đọc, nêu nội dung tranh. (VD: Các bạn đang thả diều ở cánh đồng làng. Bạn nào cũng vui và chăm chú nhìn theo cánh diều,...)
 - + GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý đọc rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ, nhấn giọng đúng những từ ngữ được xem là tín hiệu nghệ thuật. HS đọc thầm theo. (VD: hướng dẫn HS ngắt nhịp thơ: *Trời/ như cánh đồng; Xong mùa gặt hái; Diều em/ - lười liêm; Ai quên/ bỏ lại.*)
 - + GV nêu một số từ ngữ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc. (VD: *no gió, lười liêm, nong trời, nhạc trời,...*)
 - + GV hướng dẫn chung về cách đọc bài thơ: đọc với giọng vui tươi, khoẻ khoắn, thể hiện đúng tình cảm của bạn nhỏ khi nói về trò chơi thả diều.
 - + GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài đọc (theo từng khổ thơ trong bài) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.
 - + GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ có thể khó hiểu đối với HS. (VD: *hạt cau, lười liêm,...*)
- HS luyện đọc theo nhóm/ cặp:
 - + Từng cặp HS trong nhóm đọc nối tiếp 2 khổ thơ. HS góp ý cho nhau.
 - + Từng HS đọc thầm toàn VB hoặc đọc cho nhau nghe.
 - + GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- GV/ HS đọc lại toàn VB.
- + HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài thơ.
- + HS tập đọc khổ thơ mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. Kể tên những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ.

+ HS đọc lại dòng thơ 3, 4 của 4 khổ thơ đầu và quan sát tranh minh hoạ.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ là *trăng vàng, chiếc thuyền, hạt cau, lười liềm.*)

Câu 2. Hai câu thơ “Sao trời trôi qua/ Diều thành trăng vàng” tả cánh diều vào lúc nào?

+ HS xem lại khổ thơ đầu và hình ảnh minh hoạ trăng vàng.

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. (GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Vào thời điểm nào thì bầu trời có trăng, sao?)

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Hai câu thơ đó tả cánh diều vào ban đêm.)

Câu 3. Khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?

– HS đọc lại khổ thơ cuối.

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. (GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Ở khổ thơ cuối, làng quê hiện lên qua những cảnh vật quen thuộc nào? Cùng với tiếng sáo diều, cảnh vật đó biến đổi ra sao? Cảnh vật như thế có đẹp không? Trong khổ thơ có từ ngữ nào thể hiện sự đông vui, giàu có không?...)

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Khổ thơ cuối bài muốn nói: Cánh diều làm cảnh thôn quê tươi đẹp hơn.)

Câu 4. Em thích nhất khổ thơ nào trong bài? Vì sao?

– HS đọc lại toàn bài thơ, chọn khổ thơ thích nhất.

– HS trao đổi theo nhóm (GV có thể gợi ý để HS giải thích được vì sao thích khổ thơ đó: Nội dung khổ thơ thế nào? Có hình ảnh nào đẹp? Có từ ngữ nào hay? Em cảm thấy thế nào khi đọc khổ thơ đó?...).

+ Từng HS nêu khổ thơ mình thích và giải thích lí do chọn.

+ Nhóm góp ý.

+ 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét, động viên HS và nhóm HS. Lớp bình chọn nhóm trình bày hay nhất.

* *Học thuộc lòng khổ thơ em thích.*

– GV cho HS tự nhớ hoặc giữ lại một số từ trong từng dòng thơ làm “điểm tựa” để HS dễ nhớ.

– GV có thể cho HS thi đọc thuộc lòng (nếu có thời gian), sử dụng trò chơi “Biết một từ, đọc cả dòng thơ”. GV chuẩn bị một số thẻ thăm có ghi một số từ trong mỗi dòng, HS bốc được từ nào sẽ đọc cả dòng thơ.

4. Luyện đọc lại

HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều?

- + HS xem lại khổ thơ thứ hai và những từ ngữ đã cho.
- + Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. (GV có thể gợi ý: *no gió* và *uốn cong* có thể hiện âm thanh không?)
- + 1 – 2 HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.
- + GV và HS thống nhất câu trả lời. (Từ *trong ngân* được dùng để diễn tả âm thanh của sáo diều.)

Câu 2. Dựa theo khổ thơ thứ tư, nói một câu tả cánh diều.

- + HS xem lại khổ thơ 4.
- + HS thảo luận nhóm đôi để đặt câu tả cánh diều. (GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Cánh diều giống sự vật nào? Ở đâu? Vào thời điểm nào? Cánh diều có điểm gì giống sự vật đó?...)
- + HS trong nhóm góp ý cho nhau.
- + Đại diện nhóm HS trình bày. GV và HS nhận xét.
- + GV nhận xét, động viên HS và ghi nhận những câu HS đặt khá hay. (VD: Cánh diều giống cái lưỡi liềm; Cánh diều cong cong thật đẹp; Cánh diều cong cong như cái lưỡi liềm; Cánh diều giống hệt như cái lưỡi liềm bị bỏ quên sau mùa gặt;...)

TIẾT 3

1. Viết chữ hoa

- GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *L* và hướng dẫn HS:
- + Quan sát mẫu chữ viết hoa *L*: Cao 5 li (cỡ vừa), 2,5 li gồm 3 nét cơ bản: cong dưới, lượn dọc và lượn ngang.
- + Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc quan sát cách viết chữ viết hoa *L* trên màn hình).
- HS tập viết chữ viết hoa *L* (có thể trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp,...) theo hướng dẫn: Đặt bút trên đường kẻ ngang 6, viết một nét cong lượn dưới như viết phần đầu các chữ *C* và *G*; sau đó, đổi chiều bút, viết nét lượn ngang, tạo một vòng xoắn nhỏ ở chân chữ. Điểm dừng bút là giao điểm của đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 5.
- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.
- HS viết chữ viết hoa *L* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.
- HS góp ý cho nhau theo cặp.

2. Viết ứng dụng

- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Làng quê xanh mát bóng tre*.

- HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).
- GV hướng dẫn HS viết chữ viết hoa L đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.
- HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.
- HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

- + HS quan sát các bức tranh, câu gợi ý dưới tranh.
- + Trao đổi nhóm để nêu tên các con vật trong tranh (ếch ộp, sơn ca, nai vàng), nơi các con vật đó thường sinh sống, khả năng của mỗi con vật,...
- + Các nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: Các con vật trong tranh gồm: ếch ộp, sơn ca và nai vàng. Ếch ộp thường sống nơi ao hồ, đầm lầy. Nó biết bơi. Sơn ca có thể bay trên trời. Nai vàng chạy nhanh trong rừng,...)
- GV giới thiệu nội dung chung của câu chuyện: Câu chuyện nói về 3 con vật: ếch ộp, sơn ca và nai vàng. Chúng chơi rất thân với nhau và kể cho nhau nghe nhiều điều mới lạ.
- + GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.
- + GV kể câu chuyện (lần 2), dừng lại ở các sự việc diễn ra với mỗi nhân vật được nói đến trong đoạn.
- + Một số HS nhắc lại câu nói của các nhân vật trong đoạn 3 và đoạn 4.
- + 2 HS nối tiếp nhau trả lời câu hỏi dưới tranh.
- + Một số HS nhắc lại câu nói của các nhân vật trong đoạn 3 và đoạn 4.
- GV khen ngợi các em nhớ nội dung câu chuyện.

CHÚNG MÌNH LÀ BẠN

- (1) Ếch ộp, sơn ca và nai vàng chơi với nhau rất thân. Ngày nào ba bạn cũng gặp nhau trò chuyện, vui chơi cùng nhau.
- (2) Sơn ca cất giọng trong vắt kể cho hai bạn nghe về bao nhiêu chuyện lạ nơi mình đã bay qua. Ếch ộp thì kể chuyện mẹ con nhà cua, nhà cá, chuyện ốc, ba ba, ... Nai vàng thì kể chuyện rừng núi hùng vĩ và bí hiểm. Nhờ thế mà cả ba cùng hiểu thêm được bao nhiêu điều thú vị ở khắp mọi nơi.
- (3) Nhưng ếch ộp, sơn ca, nai vàng muốn tận mắt thấy những cảnh đã được nghe kể. Chúng quyết định đổi chỗ cho nhau: chim sơn ca thì xuống nước, ếch ộp vào rừng, còn nai vàng thì tập bay.

Sơn ca dang cánh lao xuống nước, nhưng phải vội ngoi lên bờ ngay, mình mấy ướp sững và ho sặc sụa. Nó hiểu ra rằng mình không thể bơi được.

Nai vàng trèo lên một mỏm đá cao rồi co chân tung mình vào khoảng không để tập bay. Huych! Nó rơi xuống thẳm cỏ đầu điếng, miệng lảm bảm: Mình không thể bay được.

Ếch ộp lúc đó cũng nhảy từ trong rừng ra, nói: Các bạn ơi! Tổ đỏi quá! Tổ chẳng tìm được cái gì ở trong rừng để ăn.

(4) Sơn ca nói: Chúng mình mỗi người thuộc về một nơi khác nhau, mỗi người có những khả năng riêng, nhưng chúng ta vẫn mãi mãi là bạn của nhau nhé!

Ếch ộp và nai vàng cùng đồng thanh: Tất nhiên rồi!

(Theo *Tuyển tập truyện, thơ, câu đố Mâm non*)

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh, chọn 1 – 2 đoạn để tập kể, cố gắng kể đúng lời nói của các nhân vật trong câu chuyện (không phải kể đúng từng câu, từng chữ trong bài đọc).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (từng em kể rồi góp ý cho nhau).

Lưu ý: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc nhớ nhất.

– GV mời 2 – 4 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

– GV nêu câu hỏi để HS thảo luận nhóm: Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV ghi nhận những câu trả lời hợp lí. (VD: Câu chuyện muốn nói: Mỗi người đều không giống nhau (về điều kiện sống, về khả năng,...) vẫn có thể trở thành bạn thân; Mỗi người có điều kiện và khả năng riêng. Chúng ta cần làm những việc phù hợp với điều kiện và khả năng của mình.)

VẬN DỤNG

Kể cho người thân nghe câu chuyện *Chúng mình là bạn*.

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi kể, các em xem lại 4 tranh và đọc các câu hỏi dưới mỗi tranh để nhớ nội dung câu chuyện.

+ Có thể kể lại toàn bộ câu chuyện cho người thân nghe (hoặc kể đoạn em thích nhất trong câu chuyện).

+ Có thể nêu nhận xét của em về tình bạn giữa ếch ộp, sơn ca và nai vàng.

+ Lắng nghe ý kiến của người thân sau khi nghe em kể chuyện.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài thơ *Thả diều* của Trần Đăng Khoa; viết chữ viết hoa *L*; nghe kể câu chuyện *Chúng mình là bạn*.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.